



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

NĂM 2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên viết tắt : TAYA VIỆT NAM
- Tên giao dịch : TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY.
- Logo công ty :  TAYA GROUP
Ta Ya (Viet Nam) Electric Wire & Cable
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ bảy thay đổi ngày 07/06/2017.
- Vốn điều lệ : 306.899.450.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 467.519.953.843 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại : 84-251-3836361 ~ 4 Fax: 84-251-3836388
- E-mail : vndnstock@mail.taya.com.tw
- Website công ty : www.taya.com.vn
- Mã cổ phiếu : TYA
- Địa chỉ chi nhánh : km 35, quốc lộ 5A, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại : 84-220-3775888 ~ 890 Fax: 84-220-3775896
- E-mail : genehsu@mail.taya.com.tw

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Ngày thành lập

Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

2.2. Ngày niêm yết

Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

2.3. Ngày cổ phiếu giao dịch chính thức

Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở dịch Chứng khoán TP.HCM).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế và trung thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600- 1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô, sản xuất động cơ và máy bơm nước.
- Thi công xây lắp các công trình điện.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.
- Sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.



- Các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C)...



PEW
聚酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyester
 Polyester Enameled Wire
 耐温等級 : 155°C
 Cấp chịu nhiệt : 155°C
 Thermal Rating: 155°C



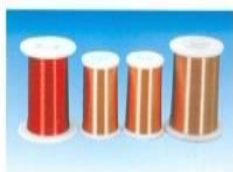
PEW-NY
尼龍外被聚酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài
 Polyamide Overcoated Polyester Enameled Wire
 耐温等級 : 155°C
 Cấp chịu nhiệt: 155°C
 Thermal Rating: 155°C



UEW+NY

尼龍外被聚胺酯漆包銅線

Dây điện tử Polyurethane có phủ Polyamide
Polyamide Over Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C
Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C
Thermal Rating: 130°C/155°C



UEW

聚胺酯漆包銅線

Dây điện tử Polyurethane
Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C/180°C
Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C
Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



SEIW

直焊變性聚亞胺酯漆包銅線

Dây điện tử Polyester-Imide có tính tự hàn
Solderable Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 180°C
Cấp chịu nhiệt: 180°C
Thermal Rating: 180°C



PVF

聚乙烯甲醛漆包銅線

Dây điện tử Polyvinyl Formal
Polyvinyl Formal Enameled Wire
耐温等級 : 105°C
Cấp chịu nhiệt: 105°C
Thermal Rating: 105°C



EAIW

醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線

Dây điện tử Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 200°C
Cấp chịu nhiệt: 200°C
Thermal Rating: 200°C



EIW

聚酯亞胺漆包銅線

Dây điện tử Polyester-Imide
Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 180°C
Cấp chịu nhiệt: 180°C
Thermal Rating: 180°C

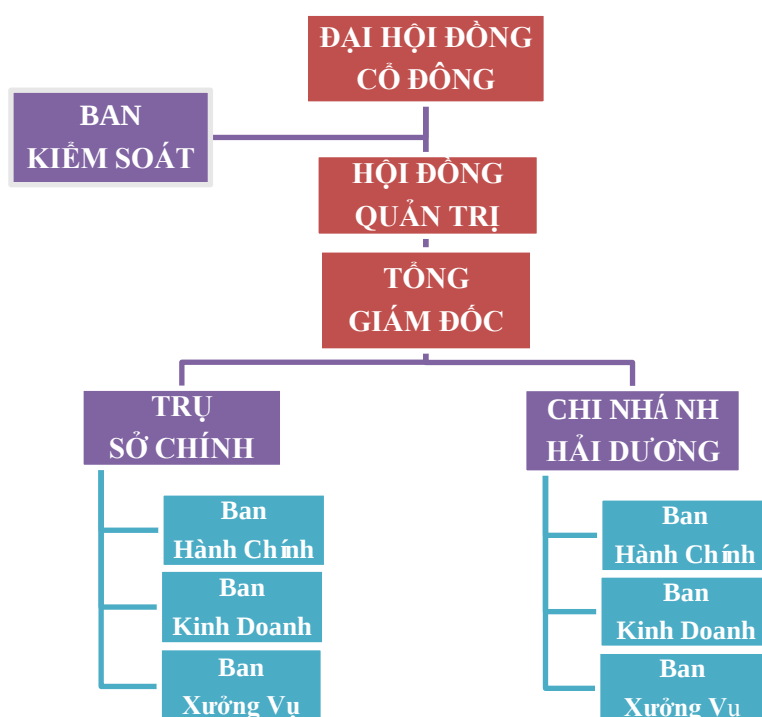


3.3. Địa bàn kinh doanh:

- Địa bàn kinh doanh của công ty trải rộng khắp cả nước, chủ yếu chia thành hai phần. Thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở vào miền nam do trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phụ trách kinh doanh, chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương phụ trách cung cấp hàng hóa cho thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở ra miền bắc.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị của công ty



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

- **Trụ sở chính và nhà máy tại tỉnh Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251-3836 361-4

Fax: 0251-3836 388

E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

- **Chi nhánh tại tỉnh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0220 – 3775888 0220 – 3775890~892 Fax: 0220 – 3775 896

Email: genehsu@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

- **Văn phòng đại diện tại Tp.HCM:** Nơi đặt văn phòng liên lạc thương mại cung cấp dây điện và cáp điện cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận.

Địa chỉ: Số 135/17/25-27, đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22 quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

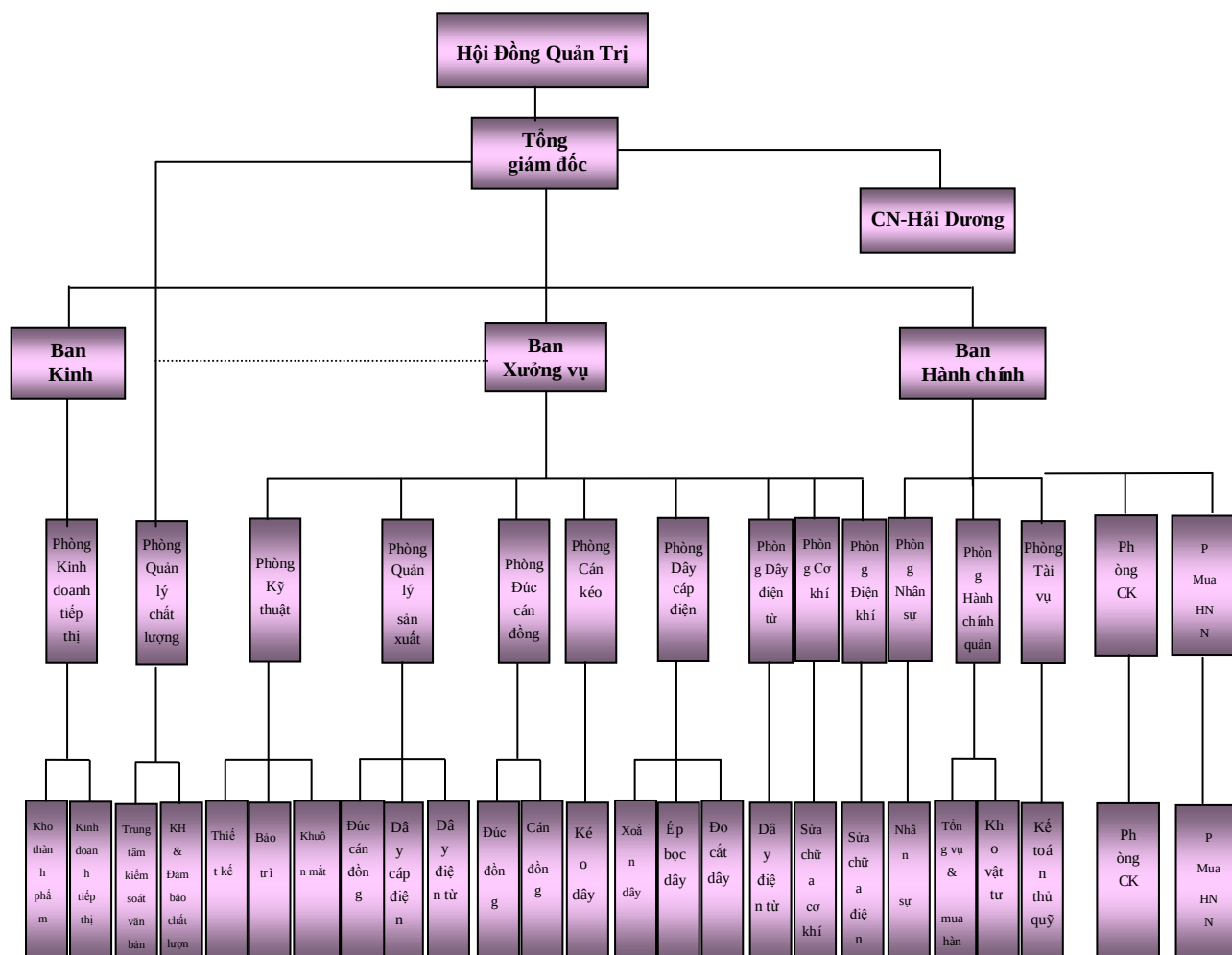
Điện thoại: 028-35128861-3

Fax: 028-35128790

E-mail: kao@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý chứng khoán và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu...

Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều hành sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu

- Thúc đẩy thực hiện công nghiệp 4.0 là nhà máy sản xuất sạch và xanh.
- Xây dựng công ty trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng Cao, có khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
- Phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
- Tăng trưởng doanh thu xuất khẩu đạt trên 20%/năm.
- Chiếm 20% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Thiết lập mục tiêu kinh doanh, sáng tạo lợi nhuận và tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản dài hạn hữu hình và vô hình, kết hợp toàn diện mọi hỗ trợ đến từ các đối tác kinh doanh liên quan như: các nhà cung ứng, nhà tiêu dùng, nhân viên công ty và các tổ chức xã hội ... chuyển đổi ý tưởng “kinh doanh thu lợi” thành “đổi mới thu lợi” bao gồm: Đổi mới chiến lược quản lý, kỹ thuật, sản phẩm và bán hàng, thúc đẩy công ty phát triển lớn mạnh và bền vững.

A. Phát triển thị trường:

1. Tận dụng ưu thế thương hiệu, kỹ thuật và quản lý, tạo mối quan hệ liên kết hợp tác ngành, mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao vị thế tỷ trọng ngành.
2. Phát triển sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
3. Tích cực phát triển sản phẩm dây cáp điện bảo vệ môi trường.

B. Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo, nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút nhân sự tài năng.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

C. Đầu tư phù hợp:

Giá nguyên liệu đồng thường bị chi phối bởi cung cầu thị trường thế giới và hệ lụy trong đầu cơ tích trữ của các định chế tài chính, các quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái biến động gây ảnh hưởng trực tiếp kết quả hoạt động của công ty. Nhằm giảm thiểu rủi ro trên, công ty áp dụng chiến lược mua hàng tập trung linh động với khối lượng lớn tạo lợi thế đàm phán về giá. Ngoài ra, công ty tìm thêm nguồn cung nguyên liệu đồng tại chỗ thanh toán bằng VNĐ và đẩy mạnh xuất khẩu tăng nguồn thu ngoại

tệ cần thiết cho công ty.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

➤ Mục tiêu bảo vệ môi trường an toàn, sạch, đẹp

Những năm qua, Tập đoàn Taya huy động mọi nguồn lực nghiên cứu, phát triển, sản xuất ra thị trường các loại cáp điện bảo vệ môi trường, trong đó sản phẩm Dây điện từ cách điện 3 lớp (0.6~1.0mm) đã nhận được Chứng nhận hợp chuẩn “Dầu Chân Carbon” (lượng khí CO₂ thải), những sản phẩm này sử dụng nguyên liệu nhựa (pvc) không hàm chứa nguyên tố HALOGEN (F, Cl, Br, I, At, Uus) độc hại, có khả năng chống lan cháy, ít khói không độc (không sản sinh ra khí độc Dioxin, Hydracid khi bị cháy). Những công trình công cộng và nhà ở sử dụng sản phẩm của công ty, đã thực sự cảm nhận được sự đảm bảo an toàn không độc hại, góp phần tạo dựng môi trường sống lành mạnh, sạch đẹp trong xã hội.

➤ Mục tiêu trách nhiệm xã hội và cộng đồng

Việc kinh doanh và hoạt động của một công ty mang lại những ảnh hưởng không chỉ riêng cho công ty, mà còn góp phần tạo dựng hạnh phúc trong xã hội. Một công ty được gọi là phát triển bền vững, phải là một công ty cùng hài hòa, cùng phát triển, cùng tồn tại với nơi công ty đặt trụ sở tại đó. Từ nhiều năm qua, công ty không ngừng tài trợ các khoản học bổng nhằm khích lệ sinh viên, con em công nhân nỗ lực học hành, luôn tài trợ học phí toàn phần cho cán bộ công nhân học chuyên sâu nghề, ngoại ngữ hoặc tiếp tục hoàn thành chương trình đại học từng bị gián đoạn, giúp người lao động trang bị kiến thức, cải tiến năng lực nghề nghiệp và trình độ ngoại ngữ, tạo cơ hội công ăn việc làm cho xã hội.

5.4. Mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu không ổn định và tác động bởi giá dầu thô giảm mạnh, mọi cá thể kinh tế đều đứng trước thách thức lớn về sự phát triển bền vững. Mỗi một công ty đều phải tự chịu trách nhiệm đối với mục tiêu phát triển của chính công ty mình. Mỗi một công ty căn cứ tính đặc thù và nhiệm vụ khác biệt của mình, sẽ có những phương pháp, mục tiêu, quy mô và công cụ khác nhau được áp dụng để xây dựng, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và đó chính là chính sách và mục tiêu lâu dài của công ty được đặt lên hàng đầu, cụ thể như sau:

Về mặt chính sách :

Chính sách CSR (trách nhiệm xã hội doanh nghiệp)

Trên con đường CSR, công ty hiểu ra một doanh nghiệp cần quan tâm không chỉ riêng cho công ty của mình mà còn phải tìm ra một con đường để chính sách phát triển của công ty trùng khớp, phù hợp với Chính sách CSR.. Cách của chúng tôi là kết hợp CSR với chiến lược phát triển thương mại để trở thành một thương hiệu có trách nhiệm với xã hội. Chúng tôi cho rằng **thương hiệu** là một tài sản rất quan trọng của một doanh nghiệp.

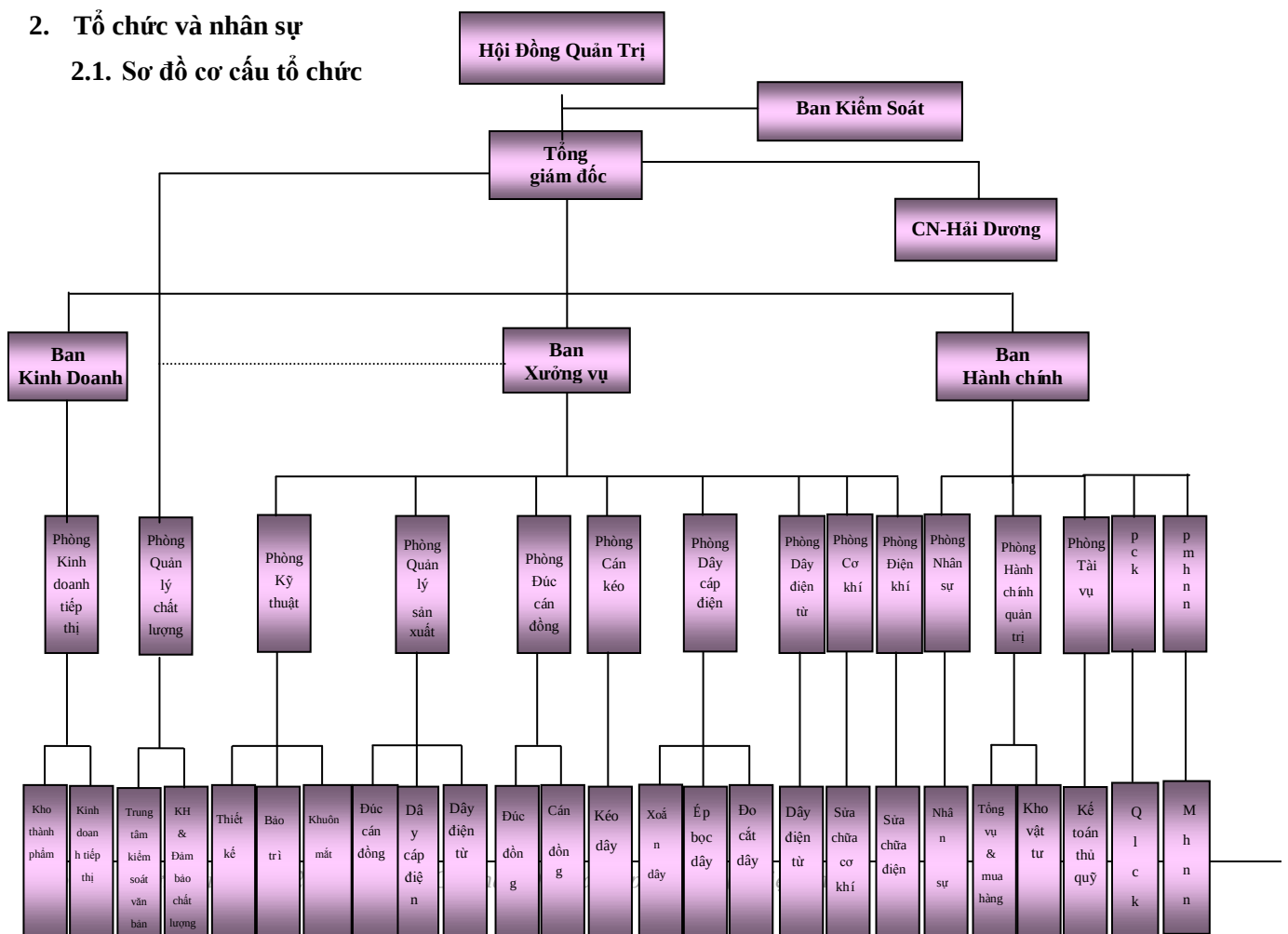
➤ **Tầm nhìn:** Phấn đấu trở thành thương hiệu dẫn đầu tiếp nối nguồn năng lượng, sản phẩm thân thiện với môi trường, là bàn tay xúc tiến xây dựng quê nhà an toàn sạch đẹp, là chỗ dựa vững chắc, được công nhân lao động, khách hàng, cổ đông và xã hội tin cậy.

➤ **Thực hành và theo đuổi:** Gắn kết với công nghệ kỹ thuật hiện đại, cam kết chính sách CSR trùng khớp với chính sách phát triển doanh nghiệp, quyết tâm tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

➤ **Giá trị ý tưởng:** Không ngừng nâng cao sự hoàn hảo, cùng tồn tại cùng phát triển, vững vàng thành tín, sáng tạo và đổi mới.

6. Các rủi ro:

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Công ty có rủi ro về tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng ngoại tệ chủ yếu là USD. Rủi ro tỷ giá hối đoái của công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp



2.2. Danh sách Ban điều hành:

- Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông Đài Loan.

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

- Ông Hsu Ching Yao

Chức vụ hiện tại: phó Tổng giám đốc.

Ngày tháng năm sinh: 31/12/1967

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Fung Chia Đài Loan

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

- Ông Su Yu Chun

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng.

Ngày tháng năm sinh: 14/01/1972

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học Texas, Hoa Kỳ.

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Sung Hsiang Lin thôi giữ chức vụ phó tổng giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam kể từ 01/06/2017. Ông Su Yu Chun giữ chức vụ và thi hành mọi quyền hạn kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam kể từ 01/06/2017.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 các khoản đầu tư lớn

- Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

- Không có.

4. Báo cáo tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	876.889.745.622	717.368.324.344	22,24
Doanh thu thuần	1.556.945.003.474	1.291.029.542.245	22,60
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	85.683.578.518	61.834.815.846	38,57
Lợi nhuận khác	2.404.830.935	34.378.302	6895,20
Chi phí khác	753.610.884	751.458.863	0,29
Lợi nhuận trước thuế	87.334.798.569	61.117.735.285	42,90
Lợi nhuận sau thuế	71.427.831.140	48.798.773.695	46,37
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2.328	1.591	46,32

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2017	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/nợ ngắn hạn)	%	187,61	214,82	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	%	111,23	151,76	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	46,68	39,48	
+ Hệ số nợ /vốn chủ sở hữu	%	87,56	65,23	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	%	576,35	622,90	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	177,55	179,97	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,59	3,78	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,28	11,24	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,15	6,80	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,50	4,79	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm báo cáo là: 30.689.945 cổ phần thuộc cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phiếu quỹ là: 9.363 cổ phần. Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 6.125.410 cổ phần. Số lượng cổ phần chưa niêm yết là : 24.555.172 cổ phần, hạn chế chuyển nhượng là 9.206.983 cổ phần (cổ đông sáng lập nước ngoài cam kết nắm giữ 30% cổ phần trong suốt thời gian dự án hoạt động).

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng cổ phần	3.918.375	12,77	26.771.570	87,23	30.689.945	100
Sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	24.555.172	80,01	24.555.172	80,01
Cổ đông pháp nhân	65.779	0,22	46.060	0,15	111.839	0,37
Cổ đông cá nhân	3.171.337	10,33	1.105.113	3,60	4.276.450	13,93
Pháp nhân chuyên nghiệp	671.896	2,19	1.065.225	3,47	1.737.121	5,66
Cổ phiếu quỹ	9.363	0,03	-	-	9.363	0,03
Tổng cộng	3.918.375	12,77	26.771.570	87,23	30.689.945	100

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:

- Vốn cổ phần của công ty không thay đổi vẫn duy trì 306.899.450.000 đồng tại ngày 31/12/2017.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm:

- Không giao dịch.

5.5. Phát hành chứng khoán khác trong năm:

- Không phát hành.

6. Báo cáo tác động môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính trong năm 2017

- Nguyên vật liệu chính của dây cáp điện là nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu và hạt nhựa PVC, PE thu mua trong nước. Nguyên liệu chính của sản phẩm dây điện từ là sơn Vecni cách điện nhập khẩu. Trong năm 2017 công ty nhập khẩu đồng tấm khoảng 6.454,6 tấn, mua trong nước 2.154,8 tấn, tổng cộng 8.609,4 tấn, nhập khẩu và mua trong nước sơn Vecni cách điện 287,1 tấn. Mua hạt nhựa PVC trong nước khoảng 2.635,6 tấn. Sử dụng lu lô gỗ đóng gói dây cáp điện các loại khoảng 11.624 cái/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm

- 0%.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp năm 2017 là: 20.988.051 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Không có

c) Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

- Không có

6.3. Tiêu thụ nước năm 2017

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Lượng nước sử dụng trong kinh doanh sản xuất của công ty năm 2017 là 59.397 m³ do Công ty cấp nước Sonadezi Đồng Nai và tỉnh Hải Dương cung cấp.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương đến thời điểm 31/12/2017 là 443 người với 140 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài 13 người chiếm 2,9% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: trình độ đại học cao đẳng và trên đại học chiếm 25%, trung cấp chiếm 20% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 55%. Mức lương

trung bình 13 tháng người lao động trong công ty năm 2017 là 11.755.000 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

➤ Chương trình khám sức khỏe định kỳ:

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân công ty, nhằm theo dõi phát hiện tình trạng sức khỏe của công nhân để biết cách dự phòng, điều trị và gìn giữ sức khỏe.

➤ Đo kiểm môi trường làm việc:

Một năm hai lần Công ty tổ chức đo kiểm môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho công nhân công ty.

➤ Chính sách lương:

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

➤ Chính sách thưởng:

Nhân viên Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty. Năm 2017 công ty thưởng 02 tháng lương cơ bản cho toàn thể nhân viên.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, khi đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 1.000.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 700.000 đồng; 500.000 đồng đối với lễ cưới con cái nhân viên công ty. Khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 300.000 đồng còn tang lễ là 1.000.000 đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

➤ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Tổng số giờ đào tạo: 1.640 giờ, trung bình 4 giờ cho một nhân viên theo phân loại nhân viên.

➤ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

- Theo các quy định về nâng cao trình độ chuyên môn đối với nhân viên. Hỗ trợ các khóa học đào tạo ngoại ngữ và tay nghề, tiếp tục chương trình Đại học cho những công nhân có nhu cầu học tập và có thành tích đạt yêu cầu.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2017 Công ty đã hỗ trợ học bổng cho Trường cao đẳng Sonadezi tại Đồng Nai 16.000.000 đồng và tiền khuyến học cho con em của người lao động trong công ty 29.000.000 đồng và quyên góp từ thiện và hoạt động xã hội 31.000.000 đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	2017	2016	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,556,945,003,474	1,291,029,542,245	265,915,461,229	20.60
2. Giá vốn hàng bán	1,415,645,494,294	1,179,055,749,833	236,589,744,461	20.07
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	141,299,509,180	111,973,792,412	29,325,716,768	26.19
4. Doanh thu hoạt động tài chính	12,206,379,528	14,757,630,636	-2,551,251,108	-17.29
5. Chi phí tài chính	12,514,894,933	10,764,116,218	1,750,778,715	16.26
6. Chi phí bán hàng	24,363,717,799	23,447,037,187	916,680,612	3.91
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30,943,697,458	30,685,453,797	258,243,661	0.84
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	85,683,578,518	61,834,815,846	23,848,762,672	38.57
9. Thu nhập khác	2,404,830,935	34,378,302	2,370,452,633	6895.20
10. Chi phí khác	753,610,884	751,458,863	2,152,021	0.29
11. Lợi nhuận trước thuế	87,334,798,569	61,117,735,285	26,217,063,284	42.90
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,939,841,717	12,426,194,433	2,513,647,284	20.23
13. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại	967,125,712	(107,232,843)	1,074,358,555	-1001.89
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71,427,831,140	48,798,773,695	22,629,057,445	46.37
15. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phần	2,328	1,591	737	46.32

Phân tích tổng quan hoạt động công ty

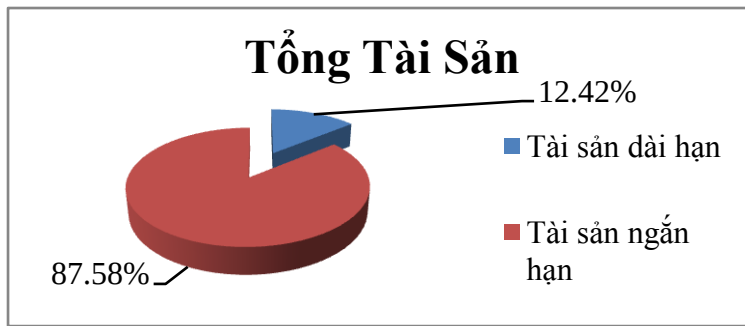
So sánh kết quả kinh doanh năm 2017 và năm 2016 có nhiều thay đổi đáng kể:

- **Doanh thu:** Doanh thu năm 2017 khoảng 1.556,9 tỷ đồng tăng 20,60% so với năm 2016. Trong đó, tiêu thụ nội địa chiếm 74% và xuất khẩu chiếm 26% (tăng 5%) so với năm 2016. Chủ yếu do tăng doanh thu xuất khẩu sang nước Campuchia, Lào, Myanmar và xuất khẩu tại chỗ tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2017 ở mức 1,56% cao hơn mức 1,08% của năm 2016. Tuy nhiên, doanh thu năm 2017 tăng 20,60% so với năm 2016, phản ánh việc quản lý chi phí bán hàng của công ty rất hiệu quả.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2017 ở mức 1,99% thấp hơn mức 8,77% của năm 2016 phản ánh việc quản lý chi phí quản lý của công ty rất hiệu quả.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2017 giảm khoảng 0,11% so với năm 2016, chủ yếu do tỷ giá hối đoái năm 2017 tương đối ổn định.
- **Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo(Book Value):**

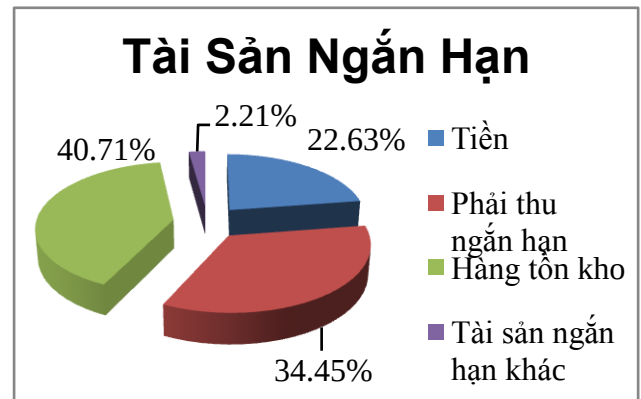
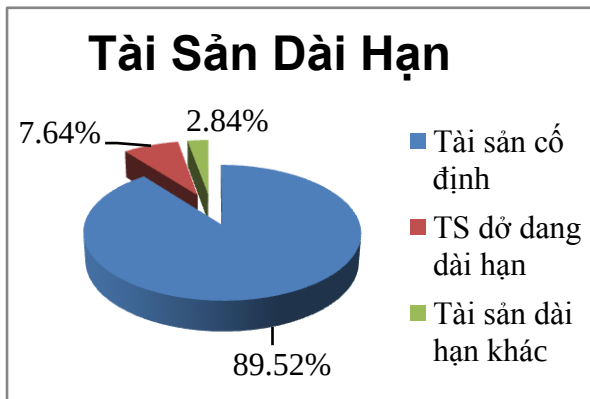
Chỉ tiêu	2017	2016	2015
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	15.234	14.146	13.866

2. Tình hình tài chính

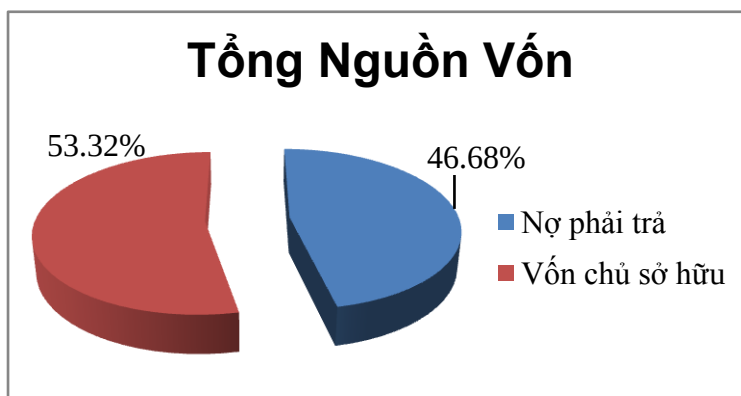
a. Tình hình tài sản



- Tổng tài sản công ty năm 2017 là 876.889.745.622 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 87,58%, tỷ lệ này tuy hơi cao, nhưng do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.
- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và thiếu tính chuẩn xác.
- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn.



b. Tình hình nợ phải trả:

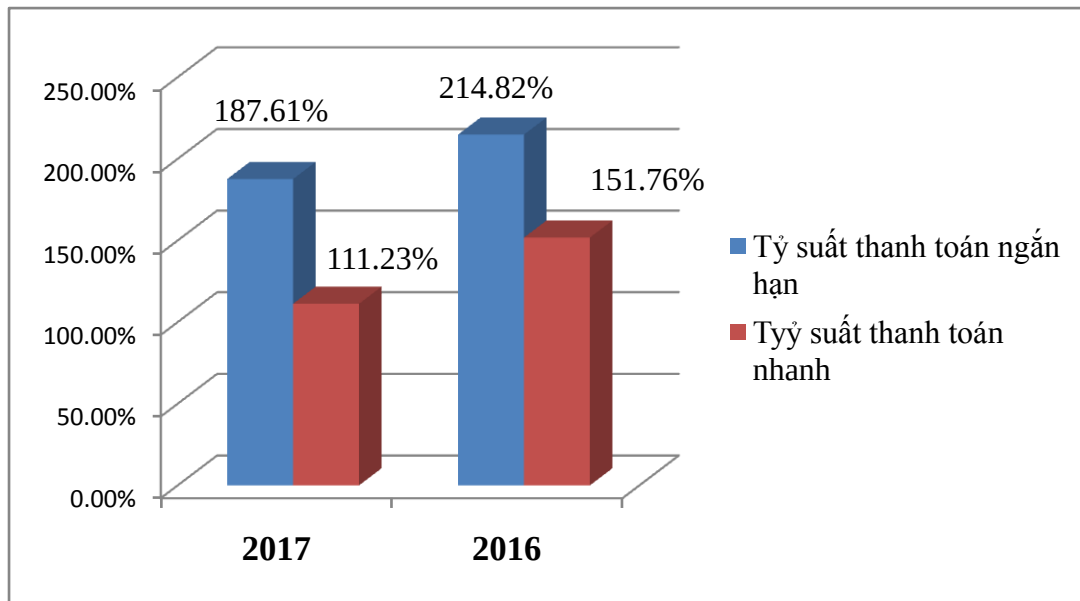


- Nợ phải trả Công ty năm 2017 khoảng 409,3 tỷ đồng, chiếm 46,68% Tổng nguồn vốn (khoảng 876,8 tỷ đồng). Trong đó, Vay ngắn hạn khoảng 226,4 tỷ đồng, chiếm 55,31% nợ ngắn hạn, khoản vay này chủ yếu dùng để chi trả nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu.
- Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn nợ ngắn hạn đều mang tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, đó ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải

đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.

- Chỉ số ROE năm 2017 của công ty là 15,28% tăng 4,04 điểm so với 11,24% của năm 2016 phản ánh khả năng lợi nhuận gia tăng hơn năm 2016.

c. Năng lực thanh toán:



- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 là 187,61% thấp hơn 214,82% của năm 2016, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2017 thấp hơn năm 2016. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn của công ty vẫn dồi dào và khả năng tài sản lưu động chuyển đổi thành tiền khá cao khoảng 577,1 tỷ đồng (phải thu ngắn hạn khoảng 264,5 tỷ đồng; hàng tồn kho khoảng 312,6 tỷ đồng) sẽ không xảy ra nguy cơ mất khả năng thanh toán.
- Hệ số thanh toán nhanh năm 2017 là 111,23% thấp hơn 151,76% của năm 2016 nhưng vẫn cao hơn 100%, tiền và các khoản tương đương tiền dồi dào, thể hiện năng lực thanh toán nhanh của công ty rất lý tưởng.

d. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

- **Nợ phải trả năm 2017** của công ty khoảng 409,3 tỷ đồng, nợ ngắn hạn này tuy lớn nhưng hoàn toàn nằm trong năng lực chi trả của công ty. Tuy nhiên, các khoản phải thu ngắn hạn của công ty vào khoảng 264,5 tỷ đồng và giá trị hàng tồn kho khoảng 312,6 tỷ đồng vẫn cân đối cao hơn nợ phải trả.
- **Chênh lệch tỉ lệ giá hối đoái** sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất của công ty. Năm 2017 tỷ giá hối đoái tương đối ổn định không gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- **Chênh lệch lãi vay** các ngân hàng thương mại không nhiều ít gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Không thay đổi.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu trên 50%, xuất khẩu 30%, lợi nhuận sau thuế trên 90 tỷ đồng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

- Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Hiện trạng môi trường tại công ty theo kết quả đo đạc chất lượng môi trường tháng 12/2017 do Viện Nước và Công nghệ môi trường Tp. HCM thực hiện:

- **Chất lượng môi trường không khí:** Tất cả các chỉ tiêu đo đạc, phân tích tại các vị trí lấy mẫu tại công ty đều đạt tiêu chuẩn cho phép, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 26: 2010/BTNMT và TCVSLĐ3733/2002/BYT/QĐ.
- **Chất lượng môi trường nước thải:** Tất cả các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải vào cống thu gom thoát nước của KCN Biên Hòa II.
- **Thu gom chất thải rắn đặc biệt nguy hại:** Đã bố trí nhiều thùng chứa chất thải từng khu vực cục bộ. Hằng ngày có đội vệ sinh đến thu gom, vận chuyển về kho lưu trữ riêng biệt.
- Đã được cấp Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân và các thiết bị, dụng cụ PCCC trong từng khu vực.

Qua kết quả đo đạc trên, hiện trạng môi trường của công ty đã đạt tiêu chuẩn và phù hợp với quy định về pháp luật môi trường tại Việt Nam.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng phát thải...)/

- Năm 2017 công ty tiêu thụ nước 59.397 m³ trong đó lượng nước sinh hoạt như nấu cơm cho công nhân ăn, vệ sinh cá nhân và tưới tiêu vườn hoa cây xanh trong công ty chiếm khoảng 35.525 m³. Số 23.872 m³ còn lại sử dụng trong hoạt động sản xuất chủ yếu là nước tuần hoàn làm nguội máy móc thiết bị không thải ra ngoài. Tỷ lệ hao hụt do bốc hơi không đáng kể không gây ảnh hưởng đến môi trường. Nước thải sinh hoạt phù hợp tiêu chuẩn quy định.
- Tỷ suất năng lượng điện tiêu hao trong hoạt động sản xuất tính trên doanh thu năm 2017 là 0,0013% thấp hơn 0,0015% của năm 2016 cho thấy hiệu suất sản xuất vượt trội hơn của năm 2017. Năng lượng điện là năng lượng sạch không gây ảnh hưởng môi trường và được tận dụng 100% trong hoạt động sản xuất.
- Các chất thải rắn được thu gom xử lý theo quy định của pháp luật môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty hoạt động tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành, mọi quyền lợi hợp pháp của công nhân đều được đảm bảo và thực thi. Công nhân được tự do tổ chức, tham gia hoạt động công đoàn và được công ty hỗ trợ kinh phí hoạt động. Mỗi quý một lần công ty tiến hành đối thoại dân chủ giữa người lao động và người sử dụng lao động tại nơi làm việc của công nhân trong công ty, hai bên cùng nhau thảo luận, trao đổi ý kiến và tháo gỡ thắc mắc liên quan đến trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động. Vì vậy, mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động trong công ty diễn ra rất hài hòa và gắn bó với nhau.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 khiến công ty lỗ nặng trên 110 tỷ đồng, qua quyết tâm phấn đấu khắc phục hậu quả công ty đã bù đắp hết lỗ lũy kế và thực hiện chia cổ tức cho cổ đông. Tuy lợi nhuận chưa nhiều nhưng đã thể hiện tinh thần gánh vác với vai trò trách nhiệm của ban lãnh đạo trong phát triển bền vững, ổn định hoạt động sản xuất, tạo dựng công ăn việc làm cho công nhân lao động và lợi nhuận cho cổ đông. Những năm qua, công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ thuế đúng thời hạn và hỗ trợ quỹ học bổng cho sinh viên, học sinh địa phương hoạt động xã hội từ thiện khác.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu dần được hồi phục, kết quả hoạt động năm 2017 của công ty doanh thu tăng 20,60%, lợi nhuận sau thuế tăng 46,37% so với năm 2016. Nếu so với kế hoạch mục tiêu năm 2017 doanh thu tăng 15,62%, lợi nhuận sau thuế tăng 5,45%.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty

Trong quá trình thực hiện quản trị công ty năm 2017, Ban giám đốc luôn tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ của công ty không vi phạm pháp luật, tình hình tài chính lành mạnh, không có dấu hiệu khác thường hoặc sử dụng vốn sai lệch mục đích, hoặc đầu tư ngành nghề khác khi chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt nam năm 2017 đạt 6,81% cao hơn 6,21% của năm 2016, tiếp tục giữ được mức độ tăng trưởng khả quan.

Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2018. Vì vậy, theo điều kiện khách quan, Hội đồng quản trị dự tính kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty năm 2018 cụ thể như sau:

Đvt: đồng

CHỈ TIÊU	2018
Doanh thu thuần	1.714.435.022.000
Lợi nhuận gộp	159.984.839.258
Lợi nhuận trước thuế	104.331.190.884
Chi phí thuế TNDN	16.641.623.218
Lợi nhuận sau thuế	87.689.567.666

Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm 2018 ở mức 6.000USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 23.670VND/USD.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Ông Shen Shang Pang

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam.

Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Học viện Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 88.754 cổ phần (0,29%).

Ông Shen Shang Tao

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 44.732 cổ phần (0,15%).

Ông Shen Shang Hung

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Người đại diện theo pháp luật - Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 46.442 cổ phần (0,15%).

Ông Shen San Yi

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 103.335 cổ phần (0,34%).

Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Tsai Chung Cheng

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1949

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Tu Ting Jui

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 19/08/1948

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nhưng Hội đồng quản trị đã thông qua và chỉ định hai ông thành viên độc lập đảm nhiệm công việc của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Ông Tsai Chung Cheng chịu trách nhiệm về công việc tiểu ban nhân sự của HĐQT.
- Ông Tu Ting Jui chịu trách nhiệm về công việc tiểu ban lương thưởng của HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2017 HĐQT đã họp 5 lần nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong hội nghị, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết vay vốn ngân hàng bổ sung vốn lưu động cho công ty, nhập khẩu máy móc thiết bị hiện đại tân tiến, cải tiến chất lượng sản phẩm và hiệu suất sản xuất. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 đã mang lại lợi nhuận đáng kể cho công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty không thiết lập các tiểu ban Hội đồng quản trị, mà giao trách nhiệm hai thành viên Hội đồng quản trị độc lập chuyên trách công việc nhân sự và lương thưởng của Hội đồng quản trị. Năm 2017 Hai thành viên độc lập đã tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị 5 lần, ngoài việc thảo luận, phát biểu ý kiến liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty, còn đặc biệt xem xét, đệ trình Hội đồng quản trị thông qua quyết định đề bạt nhân sự, kế hoạch đào tạo tay nghề, điều chỉnh lương bổng và cấp phát tiền thưởng cuối năm 2017 cho nhân viên công ty.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Do Thành viên Hội đồng quản trị của công ty là người nước ngoài đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị kinh doanh tại các nước như Hoa kỳ, Taiwan...có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Các thành viên này không tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam. Riêng cán bộ quản lý Việt nam và người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đã tham gia và hoàn thành khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ông Wang Yen Huang

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Phó TGD tổng ban hành chính Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 25/8/1952

Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học khoa học kỹ thuật Cao Hùng , Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Wang Wen Ruey

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Tổng Giám đốc Cuprime Material Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Chiu Tsung Jen

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam

Tổng giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya (Việt Nam)

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957

Nơi sinh: Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 2.310 cổ phần (0,01%).

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát một năm họp hai (2) lần, chủ yếu bàn thảo trao đổi kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Mỗi quý Ban kiểm soát cử đại diện kiểm tra giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Tiền lương:

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) lương 5.500USD/tháng.
- Ông Shen Shang Tao (phó chủ tịch HĐQT) lương 5.500USD/tháng.
- Ông Wang Ting Shu (Tổng giám đốc) lương 3.000USD/tháng.
- Ông Hsu Ching Yao (phó Tổng giám đốc) lương 2.000USD/tháng.
- Ông Chiu Tsung Jen (thành viên BKS) lương 1.350USD/tháng.

Thù lao:

- Năm 2017 công ty lãi khoảng 71,4 tỷ đồng, công ty chi trả thù lao năm 2017 cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 1.821.409.694 đồng.

b. Thù lao khác

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) phí bảo lãnh vay ngân hàng năm 2017: 519.955.286 đồng.

c. Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát:

- Chi phí hoạt động của HĐQT: 512.984.496 đồng.
- Chi phí hoạt động của BKS: 160.043.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị:

- Tháng 8/2017, Chủ tịch HĐQT ông Shen Shang Pang mua vào 9.000 cổ phiếu của công ty.
- Tháng 8/2017, Thành viên HĐQT ông Shen San Yi mua vào 11.000 cổ phiếu của công ty.

e. Xung đột lợi ích với công ty:

- Không xung đột lợi ích.

f. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ năm 2017:

➤ Giao dịch với Công ty có liên quan: Công ty TNHH Dây và Cáp điện Đại Á (Taya Electric Wire and Cable Co., Ltd

- Nhập khẩu nguyên vật liệu 1.053.234.824.446 VND và phí sử dụng bản quyền 2.045.680.806VND.

➤ Giao dịch với công ty có liên quan: Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Taya (Vietnam)

- Tiền cho thuê văn phòng 13.200.000VND.

➤ Giao dịch với công ty có liên quan: Công ty TNHH Điện cơ Teco (Vietnam)

- Tiền cho thuê văn phòng và nhà xưởng 853.851.724 VND.

g. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Theo quy định của pháp luật về Quản trị công ty, các thành viên Hội đồng quản trị phải tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty tại Việt nam, nhưng trên thực tế thành viên Hội đồng quản trị của công ty chưa thể tham gia quy định này do là người nước ngoài, đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị tại các nước như Hoa kỳ, Taiwan...có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Tuy nhiên, cán bộ quản lý và người được ủy quyền công bố thông tin Việt nam của công ty đã tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty nêu trên, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH(xem BCTC chi tiết và Trụ sở chính tại đường link sau:

<https://drive.google.com/file/d/1lXzbtY73ah-uzFt7GhCPS0VXUYX7TNLI/view?usp=sharing>
<https://drive.google.com/file/d/14V4Ywkhd87sioSTptJBqTEmhJ1gzaf2X/view?usp=sharing>

1. Ý kiến kiểm toán

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-294/02



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

2. Báo cáo tài chính chọn lọc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		768.009.533.794	608.400.552.029
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	173.787.212.638	194.077.470.840
Tiền	111		30.822.212.638	30.682.470.840
Các khoản tương đương tiền	112		142.965.000.000	163.395.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	40.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	40.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.573.424.069	186.414.426.161
Phải thu của khách hàng	131	5	263.282.633.337	186.144.063.171
Trả trước cho người bán	132		1.740.485.970	282.512.420
Phải thu khác	136		699.230.974	1.435.743.858
Dự phòng phải thu khó đòi	137	5	(1.148.926.212)	(1.447.893.288)
Hàng tồn kho	140	6	312.650.564.322	178.597.770.283
Hàng tồn kho	141		313.636.987.381	180.896.827.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(986.423.059)	(2.299.056.875)
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.998.332.765	8.510.884.745
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10(a)	1.453.605.138	1.109.532.934
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	15.011.534.011	6.559.010.620
Thuế phải thu Nhà nước	153	13(b)	255.215.616	226.488.693
Tài sản ngắn hạn khác	155		277.978.000	615.852.498
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		108.880.211.828	108.967.772.315
Tài sản cố định	220		97.470.262.381	95.704.429.079
Tài sản cố định hữu hình	221	7	97.044.401.581	95.628.829.079
Nguyên giá	222		467.726.291.958	457.577.708.786
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(370.681.890.377)	(361.948.879.707)
Tài sản cố định vô hình	227	8	425.860.800	75.600.000
Nguyên giá	228		1.000.078.800	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(574.218.000)	(491.400.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.318.564.605	8.815.448.752
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	8.318.564.605	8.815.448.752
Tài sản dài hạn khác	260		3.091.384.842	4.447.894.484
Chi phí trả trước dài hạn	261	10(b)	2.695.034.652	3.084.418.582
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	396.350.190	1.363.475.902
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		876.889.745.622	717.368.324.344

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		409.369.791.779	283.215.134.512
Nợ ngắn hạn	310		409.369.791.779	283.215.134.512
Phải trả người bán	311	12	153.437.714.229	94.485.239.681
Người mua trả tiền trước	312		16.510.367.135	10.977.011.759
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(c)	2.843.853.326	931.735.136
Phải trả người lao động	314		8.319.643.959	7.910.757.520
Chi phí phải trả	315	14	1.624.078.169	1.128.063.392
Phải trả khác	319		229.705.353	177.327.024
Vay ngắn hạn	320	15	226.404.429.608	167.605.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		467.519.953.843	434.153.189.832
Vốn chủ sở hữu	410	16	467.519.953.843	434.153.189.832
Vốn cổ phần	411	17	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	17	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	19	45.058.840.578	37.739.024.524
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.834.502.628	89.787.554.671
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		44.406.671.488	40.988.780.976
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		71.427.831.140	48.798.773.695
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		876.889.745.622	717.368.324.344

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.556.964.805.274	1.291.313.573.115
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	19.801.800	284.030.870
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	1.556.945.003.474	1.291.029.542.245
Giá vốn hàng bán	11	22	1.415.645.494.294	1.179.055.749.833
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		141.299.509.180	111.973.792.412
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	12.206.379.528	14.757.630.636
Chi phí tài chính	22	24	12.514.894.933	10.764.116.218
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.127.137.819	5.563.426.244
Chi phí bán hàng	25		24.363.717.799	23.447.037.187
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		30.943.697.458	30.685.453.797
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		85.683.578.518	61.834.815.846
Thu nhập khác	31	25	2.404.830.935	34.378.302
Chi phí khác	32		753.610.884	751.458.863
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.651.220.051	(717.080.561)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		87.334.798.569	61.117.735.285
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	14.939.841.717	12.426.194.433
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	27	967.125.712	(107.232.843)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		71.427.831.140	48.798.773.695
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.328	1.591

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:
[Signature]
Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		87.334.798.569	61.117.735.285
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		16.311.224.090	17.334.610.387
Các khoản dự phòng	03		(1.312.633.816)	1.379.698.920
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		116.697.015	893.991.498
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(622.363.637)	(15.500.000)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(8.056.936.340)	(10.732.141.897)
Chi phí lãi vay	06		8.127.137.819	5.563.426.244
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		101.897.923.700	75.541.820.437
Biến động các khoản phải thu	09		(86.820.888.615)	36.326.274.534
Biến động hàng tồn kho	10		(132.740.160.223)	20.018.539.693
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		65.366.642.722	(76.550.877.140)
Biến động chi phí trả trước	12		45.311.726	74.236.908
			(52.251.170.690)	55.409.994.432
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.770.511.316)	(5.565.441.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.494.896.795)	(19.710.499.790)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.244.368.729)	(1.593.734.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(74.760.947.530)	28.540.319.121

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(17.580.173.245)	(16.870.412.478)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		622.363.637	15.500.000
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(30.000.000.000)	(40.800.000.000)
Tiền thu từ rút các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24		70.800.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		8.485.143.863	9.988.426.262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		32.327.334.255	(47.666.486.216)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		720.521.587.862	416.931.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34		(661.538.038.960)	(438.279.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(36.816.698.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		22.166.850.502	(21.348.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(20.266.762.773)	(40.474.167.095)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		194.077.470.840	234.551.637.935
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(23.495.429)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	173.787.212.638	194.077.470.840

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

10

Biên Hòa, Ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám Đốc

Wang Ting Shu (Đã ký)